

M C L C

CH NG I.....	1
QUY NH CHUNG	1
i u 1. Gi i thích t ng	1
i u 2. Tên, tr s , pháp nhân, th i h n ho t ng, chi nhánh và v n phòng i đi n c a T ng công ty.....	2
i u 3. Ng i i di n theo pháp lu t c a T ng công ty.....	3
i u 4. M c tiêu và ngành, ngh kinh doanh chính c a T ng công ty	4
i u 5. Con d u c a T ng công ty	5
i u 6. T ch c chính tr và xã h i c a T ng công ty	5
CH NG II.....	5
V N I UL , C PH N, C ÔNG	5
i u 7. V n i ul :.....	5
i u 8. Các lo i c ph n.....	5
i u 9. Gi y ch ng nh n s h u c ph n	6
i u 10. S ng ký c ông.....	7
i u 11. Chào bán, bán và chuy n nh ng c ph n	7
i u 12. Phát hành trái phi u	8
i u 13. Mua l i c ph n.....	9
i u 14. Thu h i c ph n	10
i u 15. Tr c t c.....	11
i u 16. Ph m vi trách nhi m c a c ông	12
i u 17. Quy n c a c ông ph thông	12
i u 18. Ngh a v c a c ông ph thông	14
CH NG III.....	15
C C U T CH C QU N LÝ C A T NG CÔNG TY	15
i u 19. C c ut ch c qu n lý c a T ng công ty	15
i u 20. i h i ng c ông.....	15
i u 21. Thay i các quy n.....	16
i u 22. Th m quy n tri u t p h p i h i ng c ông	17
i u 23. Danh sách c ông có quy n đ h p i h i ng c ông	19
i u 24. Ch ng trình và n i dung h p i h i ng c ông	19

i u 25. M i h p i h i n g c ông	20
i u 26. Th c hi n quy n d h p i h i n g c ông	20
i u 27. i u ki n ti n hành h p i h i n g c ông	21
i u 28. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i i h i n g c ông	21
i u 29. Hình th c thông qua ngh quy t c a i h i n g c ông	23
i u 30. i u ki n ngh quy t c thông qua	23
i u 31. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b n g v n b n thông qua ngh quy t c a i h i n g c ông	24
i u 32. Biên b n h p i h i n g c ông	26
i u 33. Yêu c u h y b ngh quy t c a i h i n g c ông	27
i u 34. Hi u l c các ngh quy t c a i h i n g c ông	27
i u 35. H i n g qu n tr	27
i u 36. Nhi m k và s l n g thành viên H i n g qu n tr	29
i u 37. Tiêu chu n và i u ki n làm thành viên H i n g qu n tr	30
i u 38. Ch t ch H i n g qu n tr	30
i u 39. Cu c h p H i n g qu n tr	31
i u 40. Biên b n h p H i n g qu n tr	33
i u 41. Quy n c cung c p thông tin c a thành viên H i n g qu n tr	34
i u 42. Mi n nhi m, b i nhi m và b sung thành viên H i n g qu n tr	34
i u 43. T n g giám c T n g công ty	35
i u 44. T i n l n g, thù lao và l i ích khác c a thành viên H i n g qu n tr , T n g giám c	36
i u 45. Công khai các l i ích liên quan	37
i u 46. Trách nhi m c a ng i qu n lý T n g công ty	37
i u 47. Quy n kh i ki n i v i thành viên H i n g qu n tr , T n g giám c	37
i u 48. H p n g, giao d ch ph i c i h i n g c ông ho c H i n g qu n tr ch p thu n	38
i u 49. Ban ki m soát	39
i u 50. Tiêu chu n và i u ki n c a Ki m soát viên	40
i u 51. Quy n và ngh a v c a Ban ki m soát	41
i u 52. Quy n c cung c p thông tin c a Ban ki m soát	42
i u 53. T i n l n g, thù lao và quy n l i khác c a Ki m soát viên	42

i u 54. Trách nhiệm của Kế toán viên	43
i u 55. Nhiệm vụ, bài toán Kế toán viên	43
i u 56. Trình báo cáo hàng năm	44
i u 57. Công khai thông tin Công ty	44
CHƯƠNG IV.....	45
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	45
VÀ LUẬT TÀI LIỆU.....	45
i u 58. Tài khoản ngân hàng.....	45
i u 59. Chế độ kế toán và báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng, quý và báo cáo khác.....	45
i u 60. Kế toán.....	46
i u 61. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ	47
i u 62. X lý khi kinh doanh thua lỗ	47
i u 63. Chế độ kế tài liệu của Công ty	47
CHƯƠNG V.....	48
QUẢN LÝ LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY.....	48
i u 64. Quan hệ lao động.....	48
i u 65. Tiền lương, tiền thưởng của người lao động	48
CHƯƠNG VI.....	48
TỔ CHỨC LÃI, GIÁI TH, PHÂN S N CÔNG TY.....	48
i u 66. Tổ chức của Công ty.....	48
i u 67. Giải thưởng Công ty	48
i u 68. Phân s n Công ty.....	49
CHƯƠNG VII.....	49
S A I, B S U N G I U L	49
VÀ GI I Q U Y T T R A N H C H P N I B	49
i u 69. B sung và s a i i u l	49
i u 70. Gi i quy t tranh ch p n i b	49
CHƯƠNG VIII.....	49
I U K H O N T H I H A N H	49
i u 71. Hi u l c thi hành.....	49

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

D T H O

I U L T CH C VÀ H O T NG

T NG CÔNG TY LÂM NGHI P VI T NAM - CÔNG TY C PH N

C n c Lu t Doanh nghi p s 68/2014/QH13 c Qu c h i n c CHXHCN Vi t Nam thông qua ngày 26/11/2014;

C n c Lu t Ch ng khoán s 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Lu t s a i, b sung m t s i u c a Lu t Ch ng khoán s 62/2010/QH11 ngày 24/11/2010;

C n c các v n b n quy ph m pháp lu t khác có liên quan;

T i i h i ng c ông l n u T ng công ty Lâm nghi p Vi t Nam – Công ty c ph n t ch c ngày ... ã ngh quy t thông qua b n i u l này - v i các ch ng, i u, kho n sau ây:

CH NG I

QUY NH CHUNG

i u 1. Gi i thích t ng

1. Trong i u l này, các t ng d i ây c hi u nh sau:

a) *T ng công ty* có ngh a là T ng công ty Lâm nghi p Vi t Nam – Công ty c ph n.

b) *i h i ng c ông, H i ng qu n tr , Ban ki m soát, T ng giám c, Phó T ng giám c...* có ngh a là i h i ng c ông, H i ng qu n tr , Ban ki m soát, T ng giám c, Phó T ng giám c T ng công ty Lâm nghi p Vi t Nam - Công ty c ph n.

c) *Lu t doanh nghi p* có ngh a là Lu t doanh nghi p s 68/2014/QH13 c Qu c h i thông qua ngày 26/11/2014.

d) *Lu t ch ng khoán* có ngh a là Lu t ch ng khoán s 70/2006/QH c Qu c h i thông qua ngày 29/6/2006 và Lu t s a i b sung m t s i u c a Lu t ch ng khoán s 62/2010/QH12 c Qu c h i thông qua ngày 24/11/2010.

e) *C ông* là cá nhân, t ch c s h u ít nh t m t c ph n c a T ng công ty.

f) *C t c* là kho n l i nhu n ròng c tr cho m i c ph n b ng t i n m t ho c b ng tài s n khác t ngu n l i nhu n còn l i c a T ng công ty sau khi ã th c hi n ngh a v tài chính.

- g) *Vn i ul* là t ng giá tr m nh giá c ph n ã bán các lo i c a T ng công ty.
- h) *Vn có quy n bi u quy t* là ph n c ph n, theo ó ng i s h u có quy n bi u quy t v nh ng v n thu c th m quy n quy t nh c a i h i ng c ông.
- i) *Các nv tr c thu c* là các nv h ch toán ph thu c (Chi nhánh, V n phòng i di n, a i m kinh doanh c a T ng công ty) và các Công ty TNHH m t thành viên do T ng công ty làm ch s h u.
- j) *Ng i qu n lý doanh nghi p* là Ch t ch H i ng qu n tr , thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c, Phó T ng Giám c, và K toán tr ng T ng công ty.
- k) *Ng i có liên quan* là t ch c ho c cá nhân c quy nh t i kho n 17 i u 4 Lu t doanh nghi p và kho n 34 i u 6 Lu t ch ng khoán.

2. M t s t ng khác có liên quan n công ty c ph n c gi i thích theo i u 4 Lu t doanh nghi p. Các t ng khác trong i u l này c gi i ngh a trong các v n b n pháp lu t hi n hành thì có ngh a nh trong các v n b n pháp lu t ó.

3. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh c a v n b n khác bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th .

i u 2. Tên, tr s , pháp nhân, th i h n ho t ng, chi nhánh và v n phòng i di n c a T ng công ty

1. Tên g i :

- Tên y : T ng công ty Lâm nghi p Vi t Nam – Công ty c ph n.
- Tên giao d ch : T ng công ty Lâm nghi p Vi t Nam
- Tên ti ng Anh : Vietnam Forestry Corporation – Joint stock company
- Tên vi t t t : VINAFOR

2. Bi u t ng (Logo):

Logo c a T ng công ty : Logo c a T ng công ty c C c s h u trí tu - B Khoa h c và Công ngh c p Gi y ch ng nh n ng ký nh n hi u hàng hóa s 62741 theo Quy t nh s 62741/Q -SHTT ngày 16/5/20054 và Quy t nh s a i s 14082/Q -SHTT ngày 11/3/2014, nh d i ây:



Mô t : Logo c a T ng công ty c th hi n b ng màu xanh tím, tr ng, ch V và F màu tr ng vi t l ng trong vòng tròn và có ch Vinafor i kèm phía bên ph i ho c phía d i bi u t ng

3. Tr s ng ký chính c a T ng công ty là:

– a ch : S 127 Lò úc, ph ng ng Mác, qu n Hai Bà Tr ng, thành ph Hà N i.

– i n tho i: (04) 3641 0799

– Fax: (04) 3641 0800

– Website: www.vinafor.com.vn

– E-mail: vinafor@vinafor.com.vn

4. Lo i hình doanh nghi p: T ng công ty là công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.

5. Th i h n ho t ng c a T ng công ty là vô th i h n tr tr ng h p t ch c l i, gi i th , phá s n theo quy nh c a i u 66, i u 67 và i u 68 i u l này.

6. Chi nhánh, V n phòng i di n, a i m kinh doanh c a T ng công ty:

T i th i i m thông qua i u l này T ng công ty có các Chi nhánh, V n phòng i di n và a i m kinh doanh theo Ph l c ính kèm.

i u 3. Ng i i di n theo pháp lu t c a T ng công ty và ng i i di n theo quy n c a c ông là t ch c

1. T ng công ty có 02 ng i i di n theo pháp lu t là Ch t ch H i ng qu n tr và T ng giám c T ng công ty. Trong ó th c hi n phân công nh sau :

a) T ng giám c là ng i i di n theo pháp lu t th ng tr c c a T ng công ty, ký các v n b n i u hành ho t ng s n xu t kinh doanh hàng ngày c a T ng công ty theo pháp lu t Vi t Nam, i u l T ng công ty và các quy ch , quy nh c a T ng công ty.

b) Ch t ch H i ng qu n tr là ng i i di n theo pháp lu t, ký các v n b n thu c th m quy n H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng qu n tr n; ký các v n b n thu c th m quy n ng i i di n theo pháp lu t - T ng giám c khi T ng giám c v ng m t t i v n phòng T ng công ty mà không có y quy n(ho c y quy n không th c hi n c) ho c tr ng h p c bi t c n thi t theo quy t nh H i ng qu n tr .

2. Ng i i di n theo pháp lu t là cá nhân i di n cho T ng công ty th c hi n các quy n và ngh a v phát sinh t các giao d ch c a T ng công ty.

3. Ng i i di n theo pháp lu t c a T ng công ty có trách nhi m sau ây:

a) Thể hiện các quy định và nghĩa vụ giao dịch cách trung thực, công bằng, trung thực, minh bạch, lợi ích hợp pháp của Công ty.

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, chi phí kinh doanh của Công ty, không lợi dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc nắm giữ cổ phiếu và nắm giữ có liên quan của họ làm cho họ có cơ sở, phần vốn góp chi phí từ các doanh nghiệp khác.

4. Các quy định của bất cứ nghị định nào có giá trị thể hiện, nhân danh Công ty. Tuy nhiên, nghị định theo pháp luật nào vi phạm quy định từ khoản 3 của Điều này thì chủ tịch cá nhân sẽ chịu trách nhiệm thi hành cho Công ty do các quy định của nghị định theo pháp luật đó gây ra.

5. Chủ tịch là công dân Công ty có số vốn ít nhất 30% tổng số phần vốn thông có thể quy định là 03 nghị định nhân danh công dân có thể hiện các quy định và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều này.

Chủ tịch là công dân Công ty có số vốn ít nhất 50% tổng số phần vốn thông có thể quy định là 05 nghị định nhân danh công dân có thể hiện các quy định và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều này.

Việc nắm giữ nghị định theo quy định phải được nắm giữ, phải thông báo cho Công ty và chủ tịch hiện tại của Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo.

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty

1. Mục tiêu: Bảo toàn và phát triển vốn; tiến hành hóa hữu cơ sản xuất kinh doanh, lợi nhuận cao cho Công ty, cống hiến cao cho công đồng, vì lợi ích nhân dân và thu nhập chính đáng cho người lao động.

2. Ngành, nghề kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh chính:

– Thương mại, chế biến, bảo vệ, quản lý và khai thác rừng; nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh gỗ công nghiệp.

– Chế biến và kinh doanh, xuất nhập khẩu vật liệu, gỗ và lâm sản khác.

b) Ngành nghề kinh doanh có liên quan: Kinh doanh bất động sản, nông nghiệp Việt Nam và làm việc có thể hiện nhân dân ngoài.

c) Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm, theo yêu cầu phát triển của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật.

T i th i i m thông qua i u l này, ngành ngh kinh doanh c a T ng công ty theo Ph l c ính kèm.

i u 5. Con d u c a T ng công ty

1. T ng Công ty có 01 con d u. Hình th c, n i dung con d u do H i ãng qu n tr T ng công ty quy t ãnh; nh ng t i thi u ph i có thông tin v tên và mã s T ng công ty.
2. Vi c qu n lý, s d ng, l u gi con d u do H i ãng qu n tr T ng công ty quy t ãnh theo quy ãnh c a pháp lu t.

i u 6. T ch c chính tr và xã h i c a T ng công ty

1. T ch c ãng c ãng s n Vi t Nam, Công oàn, oàn Thanh niên và các t ch c chính tr - xã h i khác trong T ng công ty ho t ãng theo Hi ãn pháp, Pháp lu t và i u l c a t ch c ó.
2. T ng công ty tôn tr ãng và không c n tr vi c thành l p, ho t ãng c a các t ch c chính tr , t ch c chính tr - xã h i; ãng th i t o i u ki n ãng i lao ãng tham gia các t ch c này.

CH NG II

V N I U L , C PH N, C ÔNG

i u 7. V n i u l :

1. V n i u l c a T ng công ty là 3.500.000.000.000 ãng (*B ãng ch : Ba nghìn n m tr m t ãng*).

T ãng s v n i u l c a T ng công ty c chia thành 350.000.000 c ph n v i m nh giá là 10.000 ãng/c ph n.

2. T ng công ty có th thay i v n i u l khi c i h i ãng c ông thông qua và phù h p v i các quy ãnh c a pháp lu t.
3. T l s h u n c ngoài t i a t i T ng công ty: 0% (*B ãng ch : không ph n tr m*).

i u 8. Các lo i c ph n

1. T i th i i m thông qua i u l này T ng công ty ch có c ph n ph ãng thông.
2. T ng công ty có th phát hành các lo i c ph n u ãi và do i h i ãng c ông quy t ãnh theo quy ãnh c a pháp lu t.
3. M i c ph n c a cùng m t lo i u t o cho ãng i s h u nó các quy n, ngh a v và l i ích ngang nhau.

4. C ph n ph thông không th chuy n thành c ph n u ãi. C ph n u ãi có th chuy n thành c ph n ph thông theo ngh quy t c a i h i ng c ông.
5. Khi có c ph n u ãi thì i h i ng c ông T ng công ty quy t nh c th các n i dung u ãi và quy n c a c ông u ãi theo quy nh t i i u 116, 117 và 118 Lu t doanh nghi p.
6. C ph n ph thông ph i c u tiên chào bán cho các c ông hi n h u theo t l t ng ng v i t l s h u c ph n ph thông c a h trong Công ty, tr tr ng h p i h i ng c ông quy t nh khác. S c ph n c ông không ng ký mua h t s do H i ng qu n tr c a Công ty quy t nh. H i ng qu n tr có th phân ph i s c ph n ó cho các i t ng theo các i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p, nh ng không c bán s c ph n ó theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông hi n h u tr tr ng h p c ph n c bán qua S giao d ch ch ng khoán theo ph ng th c u giá.
7. T ng công ty có th mua c ph n do chính T ng công ty ã phát hành theo nh ng cách th c c quy nh trong i u l này và pháp lu t hi n hành. C ph n do T ng công ty mua l i là c phi u qu và H i ng qu n tr có th chào bán theo nh ng cách th c phù h p v i quy nh c a i u l này, Lu t Ch ng khoán và v n b n h ng d n liên quan.
8. T ng công ty có th phát hành các lo i ch ng khoán khác khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i quy nh c a pháp lu t.
9. T ng công ty không có c ông sáng l p.

i u 9. Gi y ch ng nh n s h u c ph n

1. Gi y ch ng nh n s h u c ph n do T ng công ty phát hành, bút toán ghi s ho c đ li u i n t xác nh n quy n s h u m t ho c m t s c ph n c a T ng công ty. Gi y ch ng nh n s h u c ph n ph i có n i dung ch y u sau ây:
 - a) Tên, mã s , a ch tr s chính c a T ng công ty.
 - b) S l ng c ph n và lo i c ph n.
 - c) M nh giá m i c ph n và t ng m nh giá s c ph n ghi trên Gi y ch ng nh n s h u c ph n.
 - d) H tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ông là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s quy t nh thành l p, a ch tr s chính c a c ông là t ch c.
 - e) Tóm t t v th t c chuy n nh ng c ph n.
 - f) Ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr và đ u c a T ng công ty.

g) Sản phẩm ký cược công của Công ty và ngày phát hành Giấy chứng nhận sản phẩm.

h) Các nội dung khác theo quy định khoản 5 điều 8 của Điều này.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức Giấy chứng nhận sản phẩm do Công ty phát hành thì quy định và lợi ích của người sản xuất nó không bị ảnh hưởng. Người đi đầu theo pháp luật Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trường hợp Giấy chứng nhận sản phẩm bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hỏng thì hình thức khác thì công của Công ty chấp nhận Giấy chứng nhận sản phẩm theo quy định của công đó và theo quy định khoản 3 điều 120 Luật doanh nghiệp.

Điều 10. Sản phẩm ký cược công

1. Công ty lập sản phẩm ký cược công, gồm các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

b) Tên sản phẩm quy định chào bán, loại sản phẩm quy định chào bán và sản phẩm quy định chào bán của từng loại.

c) Tên sản phẩm bán của từng loại và giá trị vốn sản phẩm góp.

d) Các thông tin về công nhận thẩm định khoản 1 điều 9 Điều này.

e) Sản phẩm chứng nhận từng loại của thẩm định, ngày ký cược sản phẩm.

2. Sản phẩm ký cược công của Luật sư Trung tâm Luật ký chứng khoán. Công có quy định kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sản phẩm ký cược công trong giới hạn vì các của Trung tâm Luật ký chứng khoán.

3. Trường hợp công có thay đổi địa chỉ thì phải thông báo kịp thời Công ty chấp nhận vào sản phẩm ký cược công và chịu trách nhiệm bổ sung liên lạc về việc công.

Điều 11. Chào bán, bán và chuyển nhượng sản phẩm

1. Theo yêu cầu hợp đồng, Công ty có quyền tăng thêm sản phẩm quy định chào bán và bán sản phẩm đó trong quá trình hợp đồng tăng vốn điều lệ.

2. Việc chào bán sản phẩm cho công nhận hiện hành thực hiện theo điều 124 Luật doanh nghiệp.

3. Việc chào bán sản phẩm ra công chúng, chào bán sản phẩm riêng lẻ thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Bán sản phẩm:

Hội đồng quản trị Công ty quy định như sau, phương thức và giá bán các phần. Giá bán các phần không được thấp hơn giá trị thị trường chào bán hoặc giá trị ghi trong sổ sách của các phần thị trường, trừ những trường hợp sau đây:

- a) Các phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là công dân Việt Nam.
- b) Các phần chào bán cho tất cả công dân theo từng phần hạn chế của Công ty.
- c) Các trường hợp khác do Hội đồng Công ty quy định.

5. Chuyển nhượng các phần:

a) Các phần của Công ty có thể chuyển nhượng; trừ những phần chỉ theo cam kết của công dân Việt Nam, hạn chế về việc mua thêm của người lao động, các thành viên công đoàn, hạn chế khác (nếu có) theo quy định của Hội đồng và các điều kiện khác nêu rõ trong giấy chứng nhận sở hữu các phần công dân.

- Nhà đầu tư Việt Nam mua các phần của Công ty khi chuyển nhượng hoặc bán hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công dân.

- Sở phần của người lao động mua thêm theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định này.

- Sở phần các thành viên công đoàn mua thêm theo quy định tại Điều 2 Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ, do các thành viên công đoàn không chuyển nhượng.

b) Các phần niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán có thể chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

c) Các phần chưa thanh toán vẫn không chuyển nhượng và hàng các quy định liên quan như quy định về thuế, quy định về phí phát hành và những phần thị trường, quy định mua các phần mới chào bán.

d) Việc chuyển nhượng, thanh toán, cho vay... các phần thực hiện theo Khoản 2,3,4,5,6 và 7 Điều 126 Luật doanh nghiệp.

Điều 12. Phát hành trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và quy định của Hội đồng.

2. H i u ki n phát hành trái phi u th c hi n theo quy nh t i kho n 2 và Kho n 3 i u 127 Lu t doanh nghi p.
3. H i ng qu n tr quy t nh lo i trái phi u, t ng giá tr trái phi u và th i i m phát hành, nh ng ph i báo cáo i h i ng c ông t i cu c h p g n nh t. Báo cáo ph i kèm theo tài li u và h s gi i trình ngh quy t c a H i ng qu n tr v phát hành trái phi u.
4. Vi c phát hành trái phi u chuy n i thành c ph n th c hi n theo quy nh t i kho n 5 i u 127 Lu t doanh nghi p và quy nh khác c a pháp lu t có liên quan.

i u 13. Mua l i c ph n

1. Mua l i c ph n theo yêu c u c a c ông
 - a) C ông bi u quy t ph n i ngh quy t v vi c t ch c l i T ng công ty ho c thay i quy n, ngh a v c a c ông quy nh t i i u l này có quy n yêu c u T ng công ty mua l i c ph n c a mình. Yêu c u ph i b ng v n b n, trong ó nêu rõ tên, a ch c a c ông, s l ng c ph n t ng lo i, giá d nh bán, lý do yêu c u T ng công ty mua l i. Yêu c u ph i c gi n T ng công ty trong th i h n 10 ngày, k t ngày i h i ng c ông thông qua ngh quy t v các v n quy nh t i kho n này.
 - b) T ng công ty ph i mua l i c ph n theo yêu c u c a c ông quy nh t i i m a kho n l i u này v i giá th tr ng trong th i h n 90 ngày, k t ngày nh n c yêu c u. Tr ng h p không th a thu n c v giá thì các bên có th yêu c u m t t ch c th m nh giá chuyên nghi p nh giá. T ng công ty gi i thi u ít nh t 03 t ch c th m nh giá chuyên nghi p c ông l a ch n và l a ch n ó là quy t nh cu i cùng.
2. Mua l i c ph n theo quy t nh c a T ng công ty

T ng công ty có quy n mua l i không quá 30% t ng s c ph n ph thông ã bán, m t ph n ho c toàn b c ph n u ã c t c ã bán theo quy nh sau ây:

 - a) H i ng qu n tr có quy n quy t nh mua l i không quá 10% t ng s c ph n c a t ng lo i ã c chào bán trong 12 tháng. Tr ng h p khác, vi c mua l i c ph n do i h i ng c ông quy t nh.
 - b) H i ng qu n tr quy t nh giá mua l i c ph n. i v i c ph n ph thông, giá mua l i không c cao h n giá th tr ng t i th i i m mua l i, tr tr ng h p quy nh t i i m c Kho n 2 i u này.
 - c) T ng công ty có th mua l i c ph n c a t ng c ông t ng ng v i t l c ph n c a h trong T ng công ty. Trong tr ng h p này, quy t nh mua l i c ph n c a T ng công ty ph i c thông báo b ng ph ng th c b o m n c t t c c ông trong th i h n ba m i (30) ngày, k t ngày quy t nh ó c thông qua. Thông báo ph i có tên, a ch tr s chính c a T ng công ty, t ng s c ph n và lo i c ph n

c mua l i, giá mua l i ho c nguyên t c nh giá mua l i, th t c và th i h n thanh toán, th t c và th i h n c ông chào bán c ph n c a h cho T ng công ty.

d) C ông ng ý bán l i c ph n ph i g i chào bán c ph n c a mình b ng ph ng th c b o m n c Công ty trong th i h n 30 ngày, k t ngày thông báo. Chào bán ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Th c n c c công dân, Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s quy t nh thành l p, a ch tr s chính c a c ông là t ch c; s c ph n s h u và s c ph n chào bán; ph ng th c thanh toán; ch ký c a c ông ho c ng i i di n theo pháp lu t c a c ông. Công ty ch mua l i c ph n c chào bán trong th i h n nói trên.

3. i u ki n thanh toán và x lý các c ph n c mua l i:

a) T ng công ty ch c quy n thanh toán c ph n c mua l i cho c ông theo quy nh t i Kho n l c a i u này n u ngay sau khi thanh toán h t s c ph n c mua l i, T ng công ty v n b o m thanh toán các kho n n và ngh a v tài s n khác.

b) C ph n c mua l i theo quy nh t i kho n l c a i u này c coi là c ph n ch a bán theo quy nh t i t i kho n 4 i u 111 c a Lu t doanh nghi p. T ng công ty ph i làm th t c i u ch nh gi m v n i u l t ng ng v i t ng m nh giá các c ph n c T ng công ty mua l i trong th i h n 10 ngày, k t ngày hoàn thành vi c thanh toán mua l i, tr tr ng h p pháp lu t v ch ng khoán có quy nh khác.

c) Gi y ch ng nh n s h u c ph n xác nh n quy n s h u c ph n ã c mua l i ph i c tiêu hu ngay sau khi c ph n t ng ng ã c thanh toán . Ch t ch H i ng qu n tr và T ng giám c ph i liên i ch u trách nhi m v thi t h i do không tiêu hu ho c ch m tiêu hu gi y ch ng nh n s h u c ph n gây ra i v i T ng công ty .

d) Sau khi thanh toán h t s c ph n mua l i, n u t ng giá tr tài s n c ghi trong s k toán c a T ng công ty gi m h n 10% thì T ng công ty ph i thông báo cho t t c các ch n bi t trong th i h n 15 ngày, k t ngày thanh toán h t s c ph n mua l i.

4. C ph n, trái phi u c a T ng công ty có th c mua l i b ng ng Vi t Nam, ngo i t t do chuy n i, vàng, giá tr quy n s d ng t, giá tr quy n s h u trí tu , công ngh , bí quy t k thu t, các tài s n khác theo ngh quy t i h i ng c ông và ph i thanh toán m t l n.

i u 14. Thu h i c ph n

1. Tr ng h p c ông không thanh toán y và úng h n s t i n ph i tr mua c ph n, H i ng qu n tr thông báo và có quy n yêu c u c ông ó thanh toán s t i n

còn lại cùng với lãi suất trên khoản tín dụng và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số phần chưa thanh toán hết số phải thu hiện.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Các phần phải thu hồi được coi là các phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc gifting quy định cho người đã sẵn sàng mua các phần phải thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Công nợ mà giá trị phần phải thu hồi phải bắt cách công nợ vì những phần đó, những vốn phải thanh toán tất cả các khoản tín dụng có liên quan công nợ với tín lãi theo tài khoản (không quá lãi suất vay của Công ty) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quy định về việc công nợ thanh toán toàn bộ giá trị ghi ý chính những số dư phần vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi những ngân hàng phần phải thu hồi trực tiếp thu hồi. Việc thu hồi vốn có hiệu lực kể từ trong trường hợp có sai sót hoặc bất cứ trong việc gửi thông báo.

Điều 15. Trách nhiệm

1. Định nghĩa công nợ quy định về mặt cấu trúc và hình thức chi trả của hàng năm của các công ty phần.

2. Cấu trúc cho các phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại phần ưu đãi.

3. Cấu trúc cho các phần thông thường xác định các vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả của các trích thu nguồn lợi nhuận gộp của Công ty.

Công ty thực hiện chi trả của các điều kiện sau:

a) Đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định.

b) Đã trích lập các quỹ và bù đắp lỗ theo quy định.

c) Ngay sau khi trả hết của các, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác hiện.

4. Tổng công ty chi trả các khoản nợ cho toàn bộ công nợ trong vòng 06 tháng, kể từ ngày kết thúc hợp lý hiện tại công nợ thanh niên. Hiện tại quản lý danh sách công nợ hiện tại, xác định các khoản nợ, thời hạn và hình thức trả nợ trong 30 ngày tiếp theo. Thông báo và trả nợ có ý các nội dung theo quy định khoản 4 điều 132 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan theo các quy định ký trong sổ đăng ký công nợ trong 15 ngày tiếp theo khi thanh lý nợ.

5. Hiện tại quản lý Tổng công ty thanh toán toàn bộ hồ sơ tài chính và các khoản nợ của Tổng công ty hoặc ngân hàng khác cho các công nợ theo quy định của hiện tại công nợ.

6. Trường hợp các khoản chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền mặt Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên các các thông tin chi tiết về ngân hàng do công nợ cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công nợ cung cấp mà công nợ không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho công nợ thanh lý.

7. Trường hợp chi trả các khoản nợ của công nợ, Tổng công ty không phải làm thủ tục chào bán công nợ theo quy định các điều 122, 123 và 124 của Luật doanh nghiệp. Tổng công ty phải ký kết hợp đồng mua bán công nợ ngay từ ngày giá trị các khoản nợ dùng để chi trả các khoản nợ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán các khoản nợ.

8. Trường hợp công nợ chuyển nhượng công nợ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc hợp lý danh sách công nợ và thời điểm trả nợ thì người chuyển nhượng là người hiện tại.

điều 16. Phạm vi trách nhiệm của công nợ

Công nợ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

điều 17. Quy định của công nợ thông

1. Công nợ thông có các quy định sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các hiện tại công nợ và thực hiện quy định biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo quy định hoặc theo hình thức khác do pháp luật và điều lệ này quy định. Mọi công nợ thông có mặt phải biểu quyết.

b) Nhận các văn bản theo quy định của hiện tại công nợ.

c) Ưu tiên mua công nợ mới chào bán công nợ ngay từ lần đầu tiên công nợ thông của công nợ trong Tổng công ty.

d) T do chuy n nh ng c ph n c a mình cho ng i khác theo quy nh pháp lu t hi n hành, tr tr ng h p quy nh t i i m a, i m c kho n 5 i u 11 i u l này.

e) Xem xét, tra c u và trích l c các thông tin trong Danh sách c ông có quy n bi u quy t và yêu c u s a i các thông tin không chính xác.

f) Xem xét, tra c u, trích l c ho c sao ch p i u l T ng công ty, biên b n h p i h i ng c ông và các ngh quy t c a i h i ng c ông.

g) Khi T ng công ty gi i th ho c phá s n, c nh n m t ph n tài s n còn l i t ng ng v i t l s h u c ph n t i T ng công ty sau khi T ng công ty ã thanh toán cho ch n và các c ông n m gi lo i c ph n khác c a T ng công ty theo quy nh c a pháp lu t;

h) Yêu c u T ng công ty mua l i c ph n c a h trong các tr ng h p quy nh c a Lu t Doanh nghi p và kho n 1 i u 13 i u l này;

i) Các quy n khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.

2. C ông ho c nhóm c ông s h u t 10% t ng s c ph n ph thông tr lên trong th i h n liên t c ít nh t 06 tháng có các quy n sau ây:

a) c ng i vào H i ng qu n tr và Ban ki m soát theo quy nh t ng ng t i kho n 3 i u 36 và kho n 3 i u 49 i u l này.

b) Xem xét và trích l c s biên b n và các ngh quy t c a H i ng qu n tr , báo cáo tài chính gi a n m và h ng n m theo m u c a h th ng k toán Vi t Nam và các báo cáo c a Ban ki m soát.

c) Yêu c u tri u t p h p i h i ng c ông trong tr ng h p quy nh t i kho n 3 i u này.

d) Yêu c u Ban ki m soát ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a T ng công ty khi xét th y c n thi t. Yêu c u ph i b ng v n b n; ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p, s quy t nh thành l p, a ch tr s chính i v i c ông là t ch c; s l ng c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a T ng công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra.

e) Các quy n khác theo quy nh c a Lu t doanh nghi p và i u l này.

3. C ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u này có quy n yêu c u tri u t p h p i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

- a) H i ینگ qu n tr ٲi ph m nghi ٲm tr ینگ quy n c a c ٲng, ngh a v c a ینگ i qu n lý ho c ra quy t nh v t quá th m quy n c giao.
- b) Nhi m k c a H i ینگ qu n tr ٲ ٲ v t quá 06 tháng mà H i ینگ qu n tr m i ch a c b u thay th .
- c) Ho t ینگ s n xu t kinh doanh c a T ینگ công ty y u kém, thua l l n, m t kh n ینگ cân i tài chính.

Yêu c u tri u t p h p i h i ینگ c ٲng ph i c l p b ینگ v n b n và ph i có h , tên, a ch th ینگ trú, s Gi y ch ینگ minh nhân dân ho c ch ینگ th c cá nhân h p pháp khác i v i c ٲng là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s quy t nh thành l p, a ch tr s chính i v i c ٲng là t ch c; s c ph n và th i i m ینگ ký c ph n c a t ینگ c ٲng, t ینگ s c ph n c a c nhóm c ٲng và t l s h u trong t ینگ s c ph n c a T ینگ công ty, c n c và lý do yêu c u tri u t p h p i h i ینگ c ٲng. K ٲm theo yêu c u tri u t p h p ph i có các tài li u, ch ینگ c v các vi ph m c a H i ینگ qu n tr , m c vi ph m ho c v quy t nh v t quá th m quy n, th c tr ینگ y u kém c a ho t ینگ s n xu t kinh doanh, th c tr ینگ thi u trách nhi m và không hoàn thành nhi m v c a H i ینگ qu n tr ho c T ینگ giám c .

4. Các quy n khác theo quy nh c a Lu t doanh nghi p và i u l này.

i u 18. Ngh a v c a c ٲng ph thông

1. Thanh toán và úng th i h n s c ph n cam k t mua.

Không c rút v n ٲ ٲ g ٲp b ینگ c ph n ph thông ra kh i T ینگ công ty d i m i hình th c, tr tr ینگ h p c T ینگ công ty ho c ینگ i khác mua l i c ph n. Tr ینگ h p có c ٲng rút m t ph n ho c toàn b v n c ph n ٲ ٲ g ٲp trái v i quy nh t i Kho n này thì c ٲng ó và ینگ i có l i ích liên quan trong T ینگ công ty ph i cùng liên i ch u trách nhi m v các kho n n và ngh a v tài s n khác c a T ینگ công ty trong ph m vi giá tr c ph n ٲ ٲ rút và các thi t h i x y ra.

2. Tuân th i u l và quy ch qu n lý n i b c a T ینگ công ty.

3. Ch p hành ngh quy t c a i h i ینگ c ٲng, H i ینگ qu n tr .

4. Cung c p a ch chính xác khi ینگ ký mua c ph n. thông báo k p th i v nh ینگ thay i a ch , ch ینگ th c cá nhân.

5. Hoàn thành các ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t hi n hành và i u l này.

6. Ch u trách nhi m cá nhân khi nhân danh T ینگ công ty d i m i hình th c th c hi n m t trong các hành vi sau ây:

a) Vi ph m pháp lu t;

- b) Tín hành kinh doanh và các giao dịch khác từ lợi ích phục vụ lợi ích cá nhân, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản chi trả nhàn trú nguy cơ tài chính có thể xảy ra vì lợi ích của Công ty.
7. Vì lợi ích Nhà đầu tư chính (Công ty cổ phần tập đoàn T&T) mua cổ phiếu thông qua Công ty khi cổ phiếu hóa có nghĩa vụ thực hiện các cam kết kèm theo bản nội dung này.

CHƯƠNG III

CẤU TRÚC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Điều 19. Cấu trúc quản lý của Công ty

Công ty có cấu trúc quản lý và hoạt động sau đây:

- a) Hội đồng.
- b) Hội đồng quản trị.
- c) Ban kiểm soát.
- d) Tổng giám đốc.

Điều 20. Hội đồng

1. Hội đồng Công ty gồm tất cả các thành viên có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Hội đồng có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua những phát triển của Công ty.
 - b) Quyết định loại cổ phiếu và tổng số cổ phiếu chào bán, quyết định mức chiết khấu cổ phiếu.
 - c) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
 - e) Quyết định tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
 - f) Quyết định ưu đãi bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - g) Quyết định sai, bổ sung nội dung Công ty.

- h) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- i) Lựa chọn công ty kiểm toán.
- j) Quy định mua lại trên 10% tổng số phần đã bán của mỗi.
- k) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và công ty con.
- l) Quy định tổ chức lại, chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển nhượng công ty.
- m) Giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chuyển nhượng thành lý.
- n) Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật này.

3. Công đồng không được tham gia bỏ phiếu trong trường hợp sau:

- a) Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định khoản 3 điều 48 pháp luật này, khi công đồng hoặc người có liên quan của công đồng là một bên của hợp đồng;
- b) Việc mua lại của phần của công đồng hoặc cá nhân có liên quan tới công đồng, trừ trường hợp việc mua lại của phần của thành viên theo thỏa thuận của các công đồng hoặc việc mua lại của thành viên thông qua chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các văn bản đưa vào chương trình họp phải được đa số thành viên và biểu quyết tại hội đồng.

Điều 21. Thay đổi các quy định

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quy định bất lợi liên quan tới lợi ích phần ưu đãi có hiệu lực khi được công đồng nắm giữ ít nhất 60% số phần phổ thông tham dự họp thông qua nghị quyết của công đồng nắm giữ ít nhất 65% quy định biểu quyết của lợi ích phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các công đồng nắm giữ một lợi ích phần ưu đãi thông qua việc thay đổi quy định nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) công đồng (hoặc ít nhất ba quy định của pháp luật) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị danh sách các phần lợi ích đã phát hành. Trường hợp không có sự biểu quyết nêu trên thì cuộc họp tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và nghị quyết nắm giữ phần thuộc lợi ích (không phải thuộc vào số lượng người và số phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện của quy định được coi là số lượng biểu quyết yêu cầu. Tất cả các cuộc họp của công đồng nắm giữ phần ưu đãi nêu trên, nghị quyết phần thuộc lợi ích có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi phần cùng loại có quy định biểu quyết ngang bằng nhau thì các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy sẽ thể hiện tính tự vì các quy định từ điều 27 và điều 30 của luật này.

3. Trường hợp điều khoản phát hành công pháp quy định khác, các quy định về bất kỳ liên quan về các loại công pháp có quy định về điều kiện và điều kiện các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không thay đổi khi Công ty phát hành thêm các công pháp cùng loại.

Điều 22. Thủ tục ưu tiên pháp lý của công

1. Công ty ưu tiên pháp lý ngoài cuộc họp thường niên, công ty ưu tiên pháp lý có thể họp bất thường. Các cuộc họp ưu tiên pháp lý trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp ưu tiên pháp lý của công ty khác nhau thì các cuộc họp ưu tiên pháp lý của công ty xác định là nội dung tham dự họp.

2. Công ty ưu tiên pháp lý trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo quy định của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty ưu tiên pháp lý thường niên thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
- b) Báo cáo tài chính hàng năm của kiểm toán.
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị và quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị.
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát và kết quả kinh doanh của Công ty, và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
- e) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Kiểm soát viên.
- f) Các điều kiện và điều kiện pháp lý của công ty.
- g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị ưu tiên pháp lý bất thường của công ty trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật và luật này.
- c) Theo yêu cầu của công đồng hoặc nhóm công quy định từ điều 17 của luật này.

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị phê duyệt phương án kinh doanh trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày trở thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ này hoặc nhu cầu yêu cầu quy định về thời gian và thẩm định khoản 3 điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không phê duyệt phương án kinh doanh theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không phê duyệt phương án kinh doanh theo quy định thì khoản 4 điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị phê duyệt phương án kinh doanh.

Trường hợp Ban kiểm soát không phê duyệt phương án kinh doanh theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không phê duyệt phương án kinh doanh theo quy định thì khoản 5 điều này thì công đồng hoặc nhóm công đồng quy định khoản 2 điều 17 điều lệ này có quyền bãi bỏ Công ty phê duyệt phương án kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp.

7. Nhiệm vụ phê duyệt các công việc sau đây thuộc thẩm quyền kinh doanh:

a) Lập danh sách công đồng có quyền đề nghị.

b) Cung cấp thông tin và ghi quy tắc liên quan đến danh sách công đồng.

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp.

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

e) Đôn đốc quy tắc về phương án kinh doanh theo nội dung đề nghị của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các thành viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

f) Xác nhận thời gian và địa điểm họp.

g) Gửi thông báo mời họp đến các công đồng có quyền đề nghị.

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí phê duyệt và tiến hành họp phương án kinh doanh theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 của điều này sẽ do Công ty hoàn trả.

đ i u 23. Danh sách c ộng có quy n đ h p i h i ng c ộng

1. Danh sách c ộng có quy n đ h p i h i ng c ộng c l p đ a trên s ng ký c ộng c a T ng công ty. Danh sách c ộng có quy n đ h p i h i ng c ộng c l p không s m h n 05 ngày tr c ngày g i gi y m i h p i h i ng c ộng.
2. Danh sách c ộng có quy n đ h p i h i ng c ộng ph i có h , tên, a ch th ng trú, Gi y ch ng minh nhân dân ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ộng là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s quy t nh thành l p, a ch tr s chính c a c ộng là t ch c; s l ng c ph n t ng lo i, s và ngày ng ký c ộng c a t ng c ộng.
3. C ộng có quy n ki m tra, tra c u, trích l c và sao danh sách c ộng có quy n đ h p i h i ng c ộng; yêu c u s a i nh ng thông tin sai l ch ho c b sung nh ng thông tin c n thi t v mình trong danh sách c ộng có quy n đ h p i h i ng c ộng. Ng i qu n lý T ng công ty ph i cung c p k p th i thông tin s ng ký c ộng, s a i, b sung thông tin sai l ch theo yêu c u c a c ộng; ng th i ch u trách nhi m b i th ng thi t h i phát sinh do không cung c p ho c cung c p không k p th i, không chính xác thông tin s ng ký c ộng theo yêu c u.

đ i u 24. Ch ng trình và n i dung h p i h i ng c ộng

1. Ng i tri u t p h p i h i ng c ộng ph i chu n b ch ng trình, n i dung cu c h p.
2. C ộng ho c nhóm c ộng quy nh t i kho n 2 đ i u 17 đ i u l này có quy n ki n ngh v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ộng. Ki n ngh ph i b ng v n b n và c g i n T ng công ty ch m nh t 03 ngày làm vi c tr c ngày khai m c. Ki n ngh ph i ghi rõ tên c ộng, s l ng t ng lo i c ph n c a c ộng, v n ki n ngh a vào ch ng trình h p.
3. Ng i tri u t p h p i h i ng c ộng có quy n t ch i ki n ngh quy nh t i kho n 2 đ i u này n u thu c m t trong các tr ng h p sau ây: Ki n ngh c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung; vào th i i m xu t, c ộng ho c nhóm c ộng không có ít nh t 10% c ph n ph thông trong th i gian liên t c ít nh t sáu (06) tháng theo quy nh t i Kho n 2 đ i u 17 đ i u l này; v n ki n ngh không thu c th m quy n quy t nh c a i h i ng c ộng.
4. Ng i tri u t p h p i h i ng c ộng ph i ch p nh n và a ki n ngh quy nh t i kho n 2 đ i u này vào đ ki n ch ng trình và n i dung cu c h p, tr tr ng h p quy nh t i kho n 3 đ i u này; ki n ngh c chính th c b sung vào ch ng trình và n i dung cu c h p n u c i h i ng c ộng ch p thu n.

Đ i u 25. M i h p h i h i n g c ô n g

1. Ng i tri u t p h p h i h i n g c ô n g p h i g i t h o n g b a o m i h p n t t c c a c c ô n g t r o n g D a n h s a c h c ô n g c ó q u y n d h p c h m n h t 10 n g à y t r c n g à y k h a i m c. T h o n g b a o m i h p p h i c ó t ê n, a c h t r s c h í n h, m ã s T n g c ô n g t y; t ê n, a c h t h n g t r ú c a c ô n g, t h i g i a n, a i m h p v à n h n g y ê u c u k h á c i v i n g i d h p.
2. T h o n g b á o c g i b n g p h n g t h c b o m n c a c h l i ê n l c c a c ô n g; n g t h i n g t r ê n t r a n g t h o n g t i n i n t c a T n g c ô n g t y, t r ê n t r a n g t h o n g t i n i n t c a y b a n C h n g k h o á n N à n c v à c a S g i a o d c h c h n g k h o á n.
3. T h o n g b á o m i h p p h i c g i k ê m t h e o c á c t à i l i u s a u â y:
 - a) C h n g t r ì n h h p, c á c t à i l i u s d n g t r o n g c u c h p v à d t h o n g h q u y t i v i t n g v n t r o n g c h n g t r ì n h h p.
 - b) P h i u b i u q u y t, d a n h s á c h v à t h o n g t i n c h i t i t c a c á c n g c v i ê n t r o n g t r n g h p b u t h à n h v i ê n B a n K i m s o á t, t h à n h v i ê n H i n g q u n t r .
 - c) M u c h n h i d i n t h e o y q u y n d h p.
4. V i c g i t à i l i u h p t h e o t h o n g b á o m i h p q u y n h t i k h o n 3 i u n à y c ó t h t h a y t h b n g n g t i l ê n t r a n g t h o n g t i n i n t c a T n g c ô n g t y. T r n g h p n à y, t h o n g b á o m i h p p h i g h i r ò n i, c á c h t h c t i t à i l i u v à T n g c ô n g t y p h i g i t à i l i u h p c h o c ô n g n u c ô n g y ê u c u. T à i l i u h p h i h i n g c ô n g p h i c n g t i v à c p n h t c á c s a i, b s u n g (n u c ó) c h o t i k h i k t t h ú c i h i n g c ô n g;

Đ i u 26. T h c h i n q u y n d h p h i h i n g c ô n g

1. C ô n g c ó t h t r c t i p t h a m d h p, y q u y n b n g v n b n c h o m t n g i k h á c d h p h o c t h o n g q u a m t t r o n g c á c h ì n h t h c q u y n h t i k h o n 2 i u n à y. T r n g h p c ô n g l à t c h c c h a c ó n g i i d i n t h e o y q u y n t h i y q u y n c h o n g i k h á c d h p h i h i n g c ô n g. V i c y q u y n c h o n g i i d i n d h p h i h i n g c ô n g p h i l p t h à n h v n b n t h e o m u d o T n g c ô n g t y p h á t h à n h. Ng i c y q u y n d h p h i h i n g c ô n g p h i x u t t r ì n h v n b n y q u y n k h i n g k ý d h p t r c k h i v à o p h ò n g h p.
2. C ô n g c c o i l à t h a m d v à b i u q u y t t i c u c h p h i h i n g c ô n g t r o n g t r n g h p s a u â y:
 - a) T h a m d v à b i u q u y t t r c t i p t i c u c h p.
 - b) y q u y n c h o m t n g i k h á c t h a m d v à b i u q u y t t i c u c h p.

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức trực tuyến, bằng phiếu in hoặc hình thức in khác.
- d) Gửi phiếu biểu quyết nêu chấp thông qua gửi thư, fax, truyền tin.

điều 27. Điều kiện tiến hành họp hội đồng

1. Cuộc họp hội đồng chỉ tiến hành khi có số thành viên dự ít nhất bằng 65% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày diễn ra họp lần thứ nhất. Cuộc họp của hội đồng triệu tập lần thứ hai chỉ tiến hành khi có số thành viên dự ít nhất bằng 60% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày diễn ra họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của hội đồng chỉ tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các thành viên.
4. Chỉ có hội đồng mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã công bố kèm theo thông báo mời họp theo quy định của Điều 25 của Luật này.

điều 28. Thứ tự tiến hành họp và biểu quyết tại hội đồng

Thứ tự tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp hội đồng chỉ tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành thủ tục công bố dự kiến họp hội đồng.
2. Việc bầu Chủ tịch, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tịch các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì mời một thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu trong số họ làm chủ tịch cuộc họp theo nguyên tắc a.s; trường hợp không bầu được thì Trưởng Ban kiểm soát hội đồng kiểm tra cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tịch cuộc họp;
 - b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp hội đồng hội đồng kiểm tra cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tịch cuộc họp.
 - c) Chủ tịch mời thành viên làm thư ký cuộc họp.

d) i h i n g c ô n g b u m t h o c m t s n g i v à o b a n k i m p h i u t h e o n g h c a c h t a c u c h p .

3. Ch ã n g t r ì n h v à n i d u n g h p p h i c i h i n g c ô n g t h o n g q u a t r o n g p h i ê n k h a i m c . Ch ã n g t r ì n h p h i x á c n h ã r ã v à c h i t i t t h i g i a n i v i t n g v n t r o n g n i d u n g c h ã n g t r ì n h h p .

4. Ch ã t a c ó q u y n t h c h i n c á c b i n p h á p c n t h i t v à h p l ý i u k h i n c u c h p m t c á c h c ó t r t t , ú n g t h e o c h ã n g t r ì n h ã c t h o n g q u a v à p h n á n h c m o n g m u n c a a s n g i d h p .

5. i h i n g c ô n g t h o l u n v à b i u q u y t t h e o t n g v n t r o n g n i d u n g c h ã n g t r ì n h . V i c b i u q u y t c t i n h à n h b n g c á c h t h u t h b i u q u y t t á n t h à n h n g h q u y t , s a u ó t h u t h b i u q u y t k h o n g t á n t h à n h , c u i c ù n g k i m p h i u t p h p s p h i u b i u q u y t t á n t h à n h , k h o n g t á n t h à n h , k h o n g c ó ý k i n . K t q u k i m p h i u c c h ã t a c ô n g b n g a y t r c k h i b m c c u c h p .

6. C ô n g h o c n g i c y q u y n d h p n s a u k h i c u c h p ã k h a i m c v n c n g k ý v à c ó q u y n t h a m g i a b i u q u y t n g a y s a u k h i n g k ý ; t r o n g t r ã n g h p n à y , h i u l c c a n h n g n i d u n g ã c b i u q u y t t r c ó k h o n g t h a y i .

7. N g i t r i u t p h p i h i n g c ô n g c ó c á c q u y n s a u â y :

a) Y ê u c u t t c n g i d h p c h u s k i m t r a h o c c á c b i n p h á p a n n i n h h p p h á p , h p l ý k h á c .

b) Y ê u c u c q u a n c ó t h m q u y n d u y t r i t r t t c u c h p ; t r c x u t n h n g n g i k h o n g t u á n t h q u y n i u h à n h c a c h ã t a , c ý g â y r i t r t t , n g n c n t i n t r i n b ì n h t h n g c a c u c h p h o c k h o n g t u á n t h c á c y ê u c u v k i m t r a a n n i n h r a k h i c u c h p i h i n g c ô n g .

8. Ch ã t a c ó q u y n h o á n c u c h p i h i n g c ô n g ã c ó s n g i n g k ý d h p t h e o q u y n h n m t t h i i m k h á c h o c t h a y i a i m h p t r o n g c á c t r ã n g h p s a u â y :

a) a i m h p k h o n g c ó c h n g i t h u n t i n c h o t t c n g i d h p .

b) C á c p h ã n g t i n t h o n g t i n t i a i m h p k h o n g b o m c h o c á c c ô n g d h p t h a m g i a , t h o l u n v à b i u q u y t .

c) C ó n g i d h p c n t r , g â y r i t r t t , c ó n g u y c l à m c h o c u c h p k h o n g c t i n h à n h m t c á c h c ô n g b n g v à h p p h á p .

T h i g i a n h o á n t i a k h o n g q u á 03 n g à y , k t n g à y c u c h p d ã n h k h a i m c .

9. Trường hợp ch ả ho ản ho ả c ả t ả m ả đ ả ng h ả p ả i h ả i ả ng c ả ả ng tr ả i v ả i quy nh ả t ả i kho ả n 8 ả i u ả n ả y, ả i h ả i ả ng c ả ả ng b ả u m ả t ng ả i kh ả c trong s ả nh ng ng ả i đ ả h ả p ả thay th ả ch ả t ả a ả i u ả h ả nh cu ả ch ả p ả cho ả n l ả c k ả t th ả c; t ả t c ả c ả c ả ng quy t ả c ả thông qua t ả i cu ả ch ả p ả ó u ả c ả h ả i u ả l ả c ả thi h ả nh.

ả i u 29. H ả nh th ả c ả thông qua ng h ả quy t ả c ả ả i h ả i ả ng c ả ả ng

1. ả i h ả i ả ng c ả ả ng thông qua c ả c quy t ả nh thu ả c ả th ả m quy n ả b ả ng h ả nh th ả c bi u quy t ả t ả i cu ả ch ả p ho ả c l ả y k ả i n ả b ả ng v ả n ả b ả n.
2. Ng h ả quy t ả c ả ả i h ả i ả ng c ả ả ng v ả c ả c v ả n ả sau ả y ph ả i c ả thông qua b ả ng h ả nh th ả c bi u quy t ả t ả i cu ả ch ả p ả i h ả i ả ng c ả ả ng:
 - a) S ả a ả i, b ả sung c ả c n ả i đ ả ng c ả a ả i u ả l T ả ng c ả ng ty.
 - b) nh ả h ả ng ph ả t tr ả i n T ả ng c ả ng ty.
 - c) Lo ả i c ả ph ả n v ả t ả ng s ả c ả ph ả n c ả a t ả ng lo ả i.
 - d) B ả u, m ả i n ả nh ả i, b ả i n ả nh ả i m ả th ả nh v ả i ả n H ả i ả ng qu ả n tr ả v ả B ả n k ả i m ả so ả t;
 - e) Quy t ả nh ả u t ả ho ả c b ả n s ả t ả i s ả n c ả giá tr ả b ả ng ho ả c l ả n 35% t ả ng giá tr ả t ả i s ả n c ả ghi trong b ả o c ả o t ả i ch ả nh ả g ả n nh ả t c ả a T ả ng c ả ng ty.
 - f) Thông qua b ả o c ả o t ả i ch ả nh ả h ả ng n ả m ả c k ả i m ả to ả n.
 - g) T ả ch ả c l ả i, gi ả i th ả T ả ng c ả ng ty.

ả i u 30. ả i u k ả i n ả ng h ả quy t ả c ả thông qua

1. Ng h ả quy t ả v ả n ả i đ ả ng c ả sau ả y c ả thông qua n ả u ả c s ả c ả ả ng ả i đ ả i n ả ít nh ả t b ả ng 65 % t ả ng s ả phi u bi u quy t ả c ả a t ả t c ả c ả ả ng đ ả h ả p ả t ả n th ả nh:
 - a. Lo ả i c ả ph ả n v ả t ả ng s ả c ả ph ả n c ả a t ả ng lo ả i.
 - b) Thay ả i ng ả nh, ng h ả v ả l ả nh v ả c k ả nh đ ả nh ch ả nh c ả a T ả ng c ả ng ty.
 - c) Thay ả i c ả c ả u t ả ch ả c qu ả n lý T ả ng c ả ng ty.
 - d) Đ ả n ả u t ả ho ả c b ả n s ả t ả i s ả n c ả giá tr ả b ả ng ho ả c l ả n h ả n 35% t ả ng giá tr ả t ả i s ả n c ả ghi trong b ả o c ả o t ả i ch ả nh ả g ả n nh ả t c ả a T ả ng c ả ng ty.
 - e) Quy t ả nh s ả a ả i, b ả sung ả i u ả l T ả ng c ả ng ty.
 - f) T ả ch ả c l ả i, gi ả i th ả T ả ng c ả ng ty.
2. C ả c ng h ả quy t ả kh ả c ả c ả thông qua khi ả c s ả c ả ả ng ả i đ ả i n cho ả ít nh ả t b ả ng 60 % t ả ng s ả phi u bi u quy t ả c ả a t ả t c ả c ả ả ng đ ả h ả p ả t ả n th ả nh, tr ả tr ả ng h ả p ả quy nh ả t ả i kho ả n 1 v ả kho ả n 3 ả i u ả n ả y.
3. V ả i c ả bi u quy t ả b ả u th ả nh v ả i ả n H ả i ả ng qu ả n tr ả v ả B ả n k ả i m ả so ả t ph ả i th ả c ả h ả i n theo ph ả ng th ả c b ả u đ ả n phi u, theo ó m ả i c ả ả ng c ả ó t ả ng s ả phi u bi u quy t

tổng giám đốc sẽ phân bổ nhân viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và công có quy định cho một phần tổng số của mình cho một hoặc một số thành viên. Người trúng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên sẽ xác định theo số phiếu bầu tính theo xu hướng, bắt đầu từ thành viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến thành viên. Trường hợp có 02 thành viên trở lên cùng số phiếu bầu nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bốc thăm trong số các thành viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lý do kinh tế và lợi ích thì nghị quyết của Hội đồng công bố thông qua trước công chúng ít nhất bằng 60% tổng số phiếu bầu quy định thành.

5. Nghị quyết của Hội đồng phải được thông báo đến công có quy định trước Hội đồng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; vì vậy nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin internet của Công ty.

Điều 31. Thẩm quyền và thủ tục lý do kinh tế và lợi ích công bố và lợi ích thông qua nghị quyết của Hội đồng công

Thẩm quyền và thủ tục lý do kinh tế và lợi ích công bố và lợi ích thông qua nghị quyết của Hội đồng công bố sẽ thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lý do kinh tế và lợi ích công bố và lợi ích thông qua nghị quyết của Hội đồng công bố khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị lý do kinh tế và lợi ích công bố và lợi ích công bố, các tài liệu ghi trình duyệt nghị quyết và gửi kèm theo các công có quy định về quy định chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lý do kinh tế và lợi ích công bố và lợi ích công bố danh sách công bố lý do kinh tế và lợi ích công bố theo quy định khoản 1, 2 Điều 23 Điều này; yêu cầu và cách thức lý do kinh tế và lợi ích công bố kèm theo thực hiện theo quy định Điều 25 của Điều này.

3. Phiếu lý do kinh tế và lợi ích công bố phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thực địa, mã số Công ty.

b) Mục đích lý do kinh tế và lợi ích công bố.

c) Họ, tên, địa chỉ thực địa, Giấy chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công bố là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quy định thành lập, địa chỉ thực địa của công bố là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thực địa, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của

í di n theo y quy n c a c òng là t ch c; s l ñg c ph n c a t ñg lo i và s phi u bi u quy t c a c òng.

d. V n c n l y ý ki n ñ thông qua.

d). Ph ñg án bi u quy t bao g m tán thành, không tán thành và không có ý ki n.

e) Th i h n ph i g i v T ñg công ty phi u l y ý ki n ñ c tr l i.

f) H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ñg qu n tr và ñg i í di n theo pháp lu t c a T ñg công ty.

4. C òng có th g i phi u l y ý ki n ñ tr l i n T ñg công ty theo m t trong các hình th c sau ây:

a) G i th . Phi u l y ý ki n ñ c tr l i phi có ch ký c a c òng là cá ñh n, c a ñg i í di n theo y quy n ho c ñg i í di n theo pháp lu t c a c òng là t ch c. Phi u l y ý ki n g i v T ñg công ty phi c ñg trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi ki m phi u.

b) G i fax ho c th i n t . Phi u l y ý ki n g i v T ñg công ty qua fax ho c th i n t phi c gi bí m t n th i í m ki m phi u.

Các phi u l y ý ki n g i v T ñg công ty sau th i h n ñ xác ñh t i n i dung phi u l y ý ki n ho c ñ b m trong tr ñg h p g i th và b ti t l trong tr ñg h p g i fax, th i n t là không h p l . Phi u l y ý ki n không c g i v c coi là phi u không tham gia bi u quy t.

5. H i ñg qu n tr t ch c ki m phi u, l p biên b n ki m phi u d i s ch ñg ki n c a Ban ki m soát ho c c a c òng không n m gi ch c v qu n lý T ñg công ty.

Biên b n ki m phi u phi có các n i dung ch y u sau ây:

a) Tên, a ch tr s chính, mã s T ñg công ty.

b) M c ích và các v n c n l y ý ki n ñ thông qua ñg quy t.

c) S c òng v i t ñg s phi u bi u quy t ñ tham gia bi u quy t, trong ó phân bi t s phi u bi u quy t h p l và s bi u quy t không h p l và ph ñg th c g i bi u quy t, kèm theo ph l c danh sách c òng tham gia bi u quy t.

d) T ñg s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ñg v n .

e) Các v n ñ thông qua.

f) H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ñg qu n tr , ñg i í di n theo pháp lu t T ñg công ty, ñg i giám sát ki m phi u và ñg i ki m phi u.

Các thành viên H i ñg qu n tr , ñg i ki m phi u và ñg i giám sát ki m phi u phi i liên i ch u trách ñh m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m

phi u; liên hệ chịu trách nhiệm về các thí nghiệm phát sinh từ các quy tắc như các thông qua do khi mà phi u không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm tra phi u phải có ghi rõ các công việc trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra phi u. Việc ghi biên bản kiểm tra phi u có thể thay thế bằng việc gửi tin lên trang thông tin internet của Công ty.

7. Phi u lý do kiến nghị, biên bản kiểm tra phi u, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phi u lý do kiến nghị gửi tới trực tiếp chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lý do kiến nghị bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp hội đồng.

Điều 32. Biên bản họp hội đồng

1. Cuộc họp hội đồng phải ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức khác. Biên bản họp bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trực tiếp, mã số Công ty.

b) Thời gian và địa điểm họp hội đồng.

c) Chương trình và nội dung cuộc họp.

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký.

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại hội đồng và từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

f) Số công và tổng số phi u bị quy tắc các công việc, phần danh sách ký công, địa điểm công việc và số phi u bị quy tắc.

g) Tổng số phi u bị quy tắc và tổng số phi u bị quy tắc, trong đó ghi rõ phần quy tắc phi u quy tắc, tổng số phi u họp, không họp, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tất cả tổng số phi u bị quy tắc các công việc.

h) Các văn bản được thông qua và tài liệu phi u bị quy tắc thông qua tại họp;

i) Chủ tọa chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp hội đồng phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên hệ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp hội đồng quản trị công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; vì các biên bản kiểm soát tài chính của Công ty có thể thay đổi bất kỳ lúc nào trên trang thông tin internet của Công ty.

Biên bản họp hội đồng quản trị, phôi danh sách công nợ ký duyệt, nghị quyết được thông qua và tài liệu có liên quan đi kèm theo thông báo mời họp hội đồng quản trị chính của Công ty.

Điều 33. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của hội đồng

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp hội đồng hoặc biên bản kiểm soát tài chính của hội đồng; công nợ, nhóm công nợ quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của hội đồng trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của hội đồng không thể hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 34. Hiệu lực các nghị quyết của hội đồng

1. Các nghị quyết của hội đồng có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc thể hiện hiệu lực ghi trong nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của hội đồng được thông qua bằng 100% tổng số phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không thể hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có công nợ, nhóm công nợ yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của hội đồng theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của các quan có thẩm quyền.

Điều 35. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thể hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của hội đồng.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

- b) Kỹ năng lo ngại phân và tăng số phân công quy định chào bán các tài sản lo ngại.
- c) Quy định bán công phân mới trong phạm vi số phân công quy định chào bán các tài sản lo ngại; quy định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- d) Quy định giá bán công phân và trái phiếu phát hành của Công ty, trình tự hợp tác Công ty phát hành trái phiếu chuyên nghiệp và trái phiếu kèm chứng quyền; chỉ định công sở phê duyệt giá bán và phương thức phát hành trái phiếu.
- e) Quy định mua lại không quá 10% tổng số phân công tài sản lo ngại đã chào bán trong 12 tháng.
- f) Quy định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật. Trình tự thẩm định quy định trong Quy chế quản lý tài chính Công ty.
- g) Quy định giới pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản công ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trình tự dự định 35% thẩm định theo Quy chế tài chính của Công ty.
- Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 3 điều 48 điều này.
- i) Bộ, nhiệm vụ, bổ nhiệm Chức vụ Hội đồng quản trị. Bộ phận, nhiệm vụ, ký hợp đồng, chứng minh hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quy định lương và các quy định khác... chỉ định Tổng giám đốc và các chức danh: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Giám đốc các đơn vị phụ thuộc; Chức vụ và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chức vụ công ty, Kiểm soát viên, Giám đốc các Công ty TNHH mới thành viên do Công ty làm chủ sở hữu. Công nhân viên đi làm nhân viên, chỉ định theo quy định của Công ty tham gia quản lý, hoạt động hoặc chỉ định công sở công ty khác, quy định mức thù lao và quy định khác của nhân viên. Chỉ phụ thuộc Tổng giám đốc bổ nhiệm Trình tự các phòng ban và tăng trưởng của Công ty.
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- l) Quy định các cuộc họp; quy định thang bảng lương; quy định quy chế quản lý nhân sự của Công ty (trong đó thì ưu tiên có các quy chế sau: Quy chế nhân sự và quản trị Công ty; Quy chế quản lý tài chính; Quy chế quản lý thù lao và thưởng; Quy chế quản lý vốn và người đi làm nhân viên Công ty từ các doanh nghiệp khác); quy định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đi làm, địa điểm kinh

doanh, phê duyệt tài liệu hoặc quy chế hoạt động của các tổ chức này; quy định về đóng góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

m) Duy trì quá trình, nội dung tài liệu phê duyệt nội dung công, tri thức pháp lý nội dung công hoặc lý do kiến nghị nội dung công thông qua quy định.

n) Trình báo cáo quy toán tài chính hàng năm lên nội dung công.

o) Kiến nghị cơ cấu tổ chức; quy định hình thức và thẩm quyền tổ chức hoặc xử lý phát sinh trong quá trình kinh doanh.

p) Kiến nghị vị trí chức danh, giải thưởng, yêu cầu pháp nhân Tổng công ty.

q) Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật này.

3. Hội đồng quản trị thông qua quy định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lý do kiến nghị bằng văn bản. Mọi thành viên Hội đồng quản trị có mặt phải biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, pháp luật này và nghị quyết của nội dung công. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc pháp luật này gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải bồi đắp thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên sẽ miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, công sở hợp pháp của Tổng công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

Điều 36. Nhiệm vụ và quyền của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên, tùy theo yêu cầu tình hình số lượng thành viên Hội đồng quản trị có thể thay đổi và do nội dung công quy định. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không vượt quá hành phiếm chí ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không vượt quá hành phiếm chí do Hội đồng quản trị xác định và phân công theo tình hình và yêu cầu tình hình.

2. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể tái cử liên tục nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Các công nhân viên cấp trên có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền đề nghị biểu quyết tại tổng đại hội các thành viên Hội đồng quản trị. Công nhân viên nhóm công nhân viên từ 10% đến 20% tổng số cấp trên có quyền biểu quyết các công nhân viên; từ 20% đến 30% cấp trên có thể đề nghị hai (02) công nhân viên; từ 30% đến 40% cấp trên

ba (03) ng viên; t 40% n d i 50% c c t i a b n (04) ng viên; t 50% n d i 60% c c t i a n m (05) ng viên; t 60% n d i 70% c c t i a sáu (06) ng viên; và t 70% tr lên c c t i a b y (07) ng viên.

4. Tr ng h p s ng c viên c c ông ho c nhóm c ông c th p h n s ng c viên mà h c quy n c theo quy t nh c a i h i ng c ông thì s ng c viên còn l i do H i ng qu n tr , Ban ki m soát và các c ông khác c ho c c t ch c c theo c ch quy nh t i Quy ch n i b v qu n tr T ng công ty. C ch c hay cách th c c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b r ò ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi ti n hành c .

5. Tr ng h p t t c thành viên H i ng qu n tr cùng k t thúc nhi m k thì các thành viên ó t i p t c là thành viên H i ng qu n tr cho n khi có thành viên m i c b u thay th và t i p qu n công vi c.

i u 37. Tiêu chu n và i u ki n làm thành viên H i ng qu n tr

Thành viên H i ng qu n tr ph i có các tiêu chu n và i u ki n sau ây:

- a) Có n ng l c hành vi dân s y , không thu c i t ng không c qu n lý doanh nghi p theo quy nh t i kho n 2 i u 18 c a Lu t doanh nghi p.
- b) Có s c kh e, ph m ch t o c t t, trung th c, liêm khi t, hi u bi t và có ý th c ch p hành pháp lu t
- c) Có trình chuyên môn, kinh nghi m trong qu n lý kinh doanh c a T ng công ty và ph i là c ông (ho c là i di n theo y quy n c a c ông là t ch c) c a T ng công ty.
- d) Thành viên H i ng qu n tr T ng công ty có th ng th i là thành viên H i ng qu n tr c a công ty khác.
- e) Các tiêu chu n và i u ki n khác theo quy nh c a Lu t doanh nghi p.

i u 38. Ch t ch H i ng qu n tr

1. H i ng qu n tr b u m t thành viên c a H i ng qu n tr làm Ch t ch.

Ch t ch H i ng qu n tr không c kiêm T ng giám c T ng công ty.

2. Ch t ch H i ng qu n tr có các quy n và ngh a v sau ây:

- a) L p ch ng trình, k ho ch ho t ng c a H i ng qu n tr .
- b) Chu n b ch ng trình, n i dung, tài li u ph c v cu c h p; tri u t p và ch t a cu c h p H i ng qu n tr .
- c) T ch c vi c thông qua ngh quy t c a H i ng qu n tr .
- d) Giám sát quá trình t ch c th c hi n các ngh quy t c a H i ng qu n tr .

e) Ch t a cu c h p i h i ng c ông, cu c h p H i ng qu n tr .

f) Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t doanh nghi p và i u l này.

3. Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr v ng m t ho c không th th c hi n c nhi m v c a mình thì y quy n b ng v n b n cho m t thành viên H i ng qu n tr khác th c hi n các quy n và ngh a v c a Ch t ch H i ng qu n tr v i nguyên t c Ch t ch H i ng qu n tr và ng i c y quy n cùng liên i ch u trách nhi m trong vi c th c hi n n i dung y quy n. Tr ng h p không có ng i c y quy n thì các thành viên còn l i b u m t ng i trong s các thành viên t m th i gi ch c Ch t ch H i ng qu n tr theo nguyên t c a s .

4. Theo Ngh quy t c a H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng qu n tr tuy n d ng 01 ho c nhi u ng i làm th ký T ng công ty h tr H i ng qu n tr và Ch t ch H i ng qu n tr th c hi n các ngh a v thu c th m quy n theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

Quy n và ngh a v c th c a th ký T ng công ty theo quy nh t i kho n 5 i u 152 Lu t doanh nghi p. Th ký công ty có trách nhi m b o m t thông tin theo các quy nh c a pháp lu t và i u l này.

5. Ch t ch H i ng qu n tr có th b bãi mi n theo quy t nh c a H i ng qu n tr .

i u 39. Cu c h p H i ng qu n tr

1. Ch t ch H i ng qu n tr s c b u trong cu c h p u tiên c a nhi m k H i ng qu n tr trong th i h n 07 ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t ho c t l phi u b u cao nh t tri u t p và ch trì. Tr ng h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u ho c t l phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên b u theo nguyên t c a s ch n 01 ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr .

2. H i ng qu n tr có th h p nh k ho c b t th ng. H i ng qu n tr h p t i tr s chính c a T ng công ty ho c n i khác.

3. Cu c h p c a H i ng qu n tr do Ch t ch H i ng qu n tr tri u t p khi xét th y c n thi t, nh ng m i quý ph i h p ít nh t m t l n.

4. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr khi có m t trong các tr ng h p sau ây:

a) Có ngh c a Ban ki m soát.

b) Có ngh c a T ng giám c ho c ít nh t 05 ng i qu n lý khác.

c) Có ngh c a ít nh t 02 thành viên H i ng qu n tr .

nghị quyết lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, văn bản có thể luận và quy định thu nhập quy định của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được nghị quyết nhất kể từ ngày 4/1/2011 này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nghị quyết thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những nghị quyết của Hội đồng quản trị của Hội đồng quản trị năm 2011 này có quy định thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định thời gian và địa điểm họp, chương trình, các văn bản thảo luận và quy định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng bưu điện, fax, điện thoại hoặc phương tiện khác, những người bỏ phiếu của các liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị có thể ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo cho các Kiểm soát viên nội bộ và các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền đọc các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tiến hành khi có số thành viên đủ họp. Trường hợp cuộc họp triệu tập theo quy định, không đủ thành viên đủ họp thì cuộc triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày đầu tiên họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp có thể tiến hành, nếu có 4/5 số thành viên Hội đồng quản trị đủ họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có thể coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- b) Ủy quyền cho người khác để họp theo quy định tại Khoản 11/1/2011 này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức tuyển hoặc hình thức khác.
- d) Gửi phiếu biểu quyết về cuộc họp thông qua thư, fax, điện thoại.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết về cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải niêm phong bì kín và phải có chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị.

chậm nhất mà từ giờ trở về khi khai mạc. Phiếu bầu quy tắc được mở trước công khai trước mặt tất cả những người dự họp.

10. Bầu quy tắc.

a. Từ quy định từ 10 giờ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người ủy quyền từ tập thể có mặt với cách cá nhân từ cuộc họp Hội đồng quản trị có mặt (01) phiếu bầu quy tắc;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được bầu quy tắc các hình phạt, các giao dịch hoặc xử phạt mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số người bầu từ tập thể có mặt có thể thực hiện cuộc họp Hội đồng quản trị về những quy tắc mà thành viên đó không có quyền bầu quy tắc;

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu có ít nhất 4/5 thành viên dự họp tán thành.

11. Thành viên phải tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên ủy quyền cho người khác dự họp nếu các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 40. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức in ấn khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty.

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp.

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.

e) Các vấn đề thảo luận và bầu quy tắc từ cuộc họp.

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

g) Kết quả bầu quy tắc trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

h) Các vấn đề đã được thông qua.

i) Họ, tên, chữ ký, chức vụ và người ghi biên bản.

Chức vụ và nội dung biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản của Hội đồng quản trị.

2. Biên bản của Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải có sự ghi chép chính xác của Tổng công ty.

Điều 41. Quy định cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quy định yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Người quản lý có yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này.

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tiếp, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Có chết.

d) Vi phạm pháp luật, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Tổng công ty; thẩm quyền không hoàn thành nhiệm vụ, nhậm chức xuất hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế trường hợp phát sinh và thành viên miễn nhiệm phải chấp thuận từ Hội đồng công ty ngay tiếp sau đó. Sau khi Hội đồng công ty chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên miễn nhiệm coi là có hiệu lực vào ngày Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị miễn nhiệm tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực kể từ thời điểm bãi nhiệm của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên miễn nhiệm Hội đồng công ty chấp thuận, miễn nhiệm quy định của Hội đồng quản trị cho đến thời điểm đi ra khỏi Hội đồng công ty có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn coi là có hiệu lực.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng công ty bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) S thành viên H i ng qu n tr b gi m quá m t ph n ba so v i s quy nh. Tr ng h p này, H i ng qu n tr ph i tr i u t p h p i h i ng c ông trong th i h n 60 ngày, k t ngày s thành viên b gi m quá m t ph n ba.

b) Tr ng h p khác, t i cu c h p g n nh t, i h i ng c ông b u thành viên m i thay th thành viên H i ng qu n tr ã b mi n nhi m, bãi nhi m.

4. Vi c b nhi m, mi n nhi m, bãi nhi m các thành viên H i ng qu n tr ph i c công b thông tin theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

i u 43. T ng giám c T ng công ty

1. H i ng qu n tr b nhi m m t ng i trong s h ho c thuê ng i khác làm T ng giám c.

2. T ng giám c là ng i i u hành công vi c kinh doanh h ng ngày c a T ng công ty; ch u s giám sát c a H i ng qu n tr ; ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr và tr c pháp lu t v vi c th c hi n các quy n và ngh a v c giao.

Nhi m k c a T ng giám c là 05 n m và có th c b nhi m l i v i s nhi m k không h n ch .

Tiêu chu n, i u ki n c a T ng giám c: Theo quy nh t i i u 37 i u l này i v i thành viên H i ng qu n tr kiêm nhi m; theo quy nh t i i u 65 Lu t doanh nghi p và quy nh c th c a H i ng qu n tr i v i tr ng h p thuê ng i khác.

3. T ng giám c có các quy n và ngh a v sau ây:

a) Quy t nh các v n liên quan n công vi c kinh doanh h ng ngày c a T ng công ty mà không c n có quy t nh c a H i ng qu n tr .

b) T ch c th c hi n các ngh quy t c a H i ng qu n tr .

c) T ch c th c hi n k ho ch kinh doanh và ph ng án u t c a T ng công ty ã c H i ng qu n tr ho c i h i ng c ông thông qua.

d) Ki n ngh ph ng án c c u t ch c, quy ch qu n lý n i b c a T ng công ty.

e) Ngh và b nhi m khi c H i ng qu n tr ch p thu n i v i Tr ng các phòng ban và t ng ng c a T ng công ty, quy t nh l ng và các l i ích khác i v i các ch c danh này. B nhi m, mi n nhi m, khen th ng, k lu t, quy t nh l ng và các quy n l i khác... i v i các ch c danh : Phó các phòng ban và t ng ng c a T ng công ty, Phó giám c và ph trách k toán các n v ph thu c, Phó giám c và K toán tr ng các công ty trách nhi m h u h n m t thành viên do T ng công

ty làm ch s h u; quy t nh ho c phân c p, y quy n cho ng i khác quy t nh t i n l ng và quy n l i khác i v i ng i lao ng thu c quy n qu n lý, s đ ng.

f) Tuy n d ng lao ng.

g) Ki n ngh ph ng án tr c t cho c x lý l trong kinh doanh.

h) Ki m tra s ng ký c ông c a T ng công ty, danh sách c ông và nh ng s sách và h s khác c a T ng công ty vì nh ng m c ích liên quan t i ch c v c a mình v i i u ki n các thông tin này ph i c b o m t.

i) Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t, i u l này và ngh quy t c a H i ng qu n tr .

4. T ng giám c ph i i u hành công vi c kinh doanh h ng ngày c a T ng công ty theo úng quy nh c a pháp lu t, i u l này, h p ng lao ng ký v i T ng công ty và ngh quy t c a H i ng qu n tr . Tr ng h p i u hành trái v i quy nh này mà gây thi t h i cho T ng công ty thì T ng giám c ph i ch u trách nhi m tr c pháp lu t và ph i b i th ng thi t h i cho T ng công ty.

5. Tr ng h p T ng giám c là ng i do H i ng qu n tr b nhi m trong s h , b mi n nhi m trong tr ng h p sau:

a) Theo quy nh nh i v i thành viên H i ng qu n tr .

b) Làm vi c thi u trách nhi m, i u hành công vi c kinh doanh h ng ngày c a T ng công ty kém hi u qu .

6. Tr ng h p T ng giám c là ng i do H i ng qu n tr thuê, b mi n nhi m theo quy nh ã th a thu n c th trong h p ng.

i u 44. T i n l ng, thù lao và l i ích khác c a thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c

1. T ng công ty th c hi n vi c tr thù lao cho thành viên H i ng qu n tr , tr l ng cho T ng giám c và ng i qu n lý khác theo k t qu ho t ng và hi u qu s n xu t kinh doanh, không h n ch m c t i a.

2. Thù lao, t i n l ng và quy n l i khác c a thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c c tr theo quy nh sau ây:

a) Thành viên H i ng qu n tr làm vi c th ng xuyên tr c t i p t i T ng công ty c h ng thù lao hàng tháng và t i n th ng; Thành viên H i ng qu n tr không làm vi c th ng xuyên tr c t i p t i T ng công ty c h ng thù lao công vi c và t i n th ng. Thù lao công vi c c tính theo s ngày công c n thi t hoàn thành nhi m v c a thành viên H i ng qu n tr .

Thù lao hàng tháng, thù lao công việc và tín nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị xác định và chi trả theo quy định tín dụng, thù lao và thù lao của Tổng công ty. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Hội đồng quy định theo nội dung hợp đồng.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán các chi phí, lãi và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ công giao.

c) Tổng giám đốc quản lý và tín nhiệm. Tín dụng, thù lao của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quy định theo quy định tín dụng, thù lao và thù lao của Tổng công ty.

3. Tín dụng, thù lao và các chi phí khác của thành viên Hội đồng quản trị và tín dụng của Tổng giám đốc, người quản lý khác tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp và phải được ghi nhận thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty, phải báo cáo Hội đồng quy định nội dung hợp đồng.

Điều 45. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và nghĩa vụ có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định của Luật kế toán.

Điều 46. Trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quy định và nghĩa vụ công giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều này, quy định của Hội đồng.

b) Thực hiện các quy định và nghĩa vụ công giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của Tổng công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và công đồng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, của mình, của mình và sử dụng tài sản của Tổng công ty để lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của cá nhân khác.

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, các phần chi phí; thông báo này có hiệu lực kể từ thời điểm chính và chi nhánh của Tổng công ty.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều này.

Điều 47. Quy định về nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

c

1. Công, nhóm công s h u ít nh t 1% s c ph n ph thông liên t c trong th i h n 06 tháng có quy n t mình ho c nhân danh T ng công ty kh i ki n trách nhi m dân s i v i thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c trong các tr ng h p sau ây:

- a) Vi ph m ngh a v ng i qu n lý T ng công ty theo quy nh t i i u 46 c a i u l này.
- b) Không th c hi n úng các quy n và ngh a v c giao; không th c hi n, th c hi n không y , không k p th i ngh quy t c a H i ng qu n tr .
- c) Th c hi n các quy n và ngh a v c giao trái v i quy nh c a pháp lu t, i u l này ho c ngh quy t c a i h i ng c ông.
- d) S d ng thông tin, bí quy t, c h i kinh doanh c a công ty t l i riêng ho c ph c v cho l i ích c a t ch c, cá nhân khác.
- e) S d ng a v, ch c v và s d ng tài s n c a T ng công ty t l i riêng ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác.
- f) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t.

2. Trình t , th t c kh i ki n th c hi n t ng ng theo quy nh c a pháp lu t v t t ng dân s . Chi phí kh i ki n trong tr ng h p c ông, nhóm công kh i ki n nhân danh T ng công ty s tính vào chi phí c a T ng công ty , tr tr ng h p thành viên kh i ki n b bác yêu c u kh i ki n.

i u 48. H p ng, giao d ch ph i c i h i ng c ông ho c H i ng qu n tr ch p thu n

1. H p ng, giao d ch gi a T ng công ty v i các i t ng sau ây ph i c i h i ng c ông ho c H i ng qu n tr ch p thu n:

- a) Công, ng i i di n y quy n c a c ông s h u trên 10% t ng s c ph n ph thông c a T ng công ty và nh ng ng i có liên quan c a h .
- b) Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và ng i có liên quan c a h .
- c) Doanh nghi p quy nh t i kho n 2 i u 159 Lu t doanh nghi p.

2. H i ng qu n tr ch p thu n các h p ng và giao d ch có giá tr nh h n 35 % t ng giá tr tài s n doanh nghi p ghi trong báo cáo tài chính g n nh t. Tr ng h p này, ng i i di n T ng công ty ký h p ng ph i thông báo các thành viên H i ng qu n tr , Ki m soát viên v các i t ng có liên quan i v i h p ng, giao d ch ó; ng th i kèm theo đ th o h p ng ho c n i dung ch y u c a giao d ch. H i ng qu n tr quy t nh vi c ch p thu n h p ng ho c giao d ch trong th i h n 15 ngày,

kết ngày nhận các thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Hội đồng chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 của Điều này. Trường hợp này, nghị định của Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên và các cá nhân có liên quan về nội dung, giao dịch đó; nghị định kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chi tiết của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc nghị định về nội dung chi tiết của giao dịch để Hội đồng chấp thuận. Hội đồng chấp thuận có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có sự đồng ý của 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bất vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 của Điều này, gây thiệt hại cho Tổng công ty; nghị ký kết hợp đồng, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 49. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có thành viên nữ. Thành viên thường trú Việt Nam.

2. Các Kiểm soát viên bổ nhiệm trong số làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc sau. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.

Trưởng Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.
- b) Chủ trì, điều phối và chỉ đạo các cuộc họp của Ban Kiểm soát.
- c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan báo cáo Ban kiểm soát;
- d) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình Hội đồng chấp thuận.
- e) Chủ trì, điều phối và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát và Tổng Kiểm soát viên.
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Các công có quy định phải ưu tiên quy tắc tại ngân hàng liên với nhau của các ngân viên Ban kiểm soát. Công hoặc nhóm công nhân giảm từ 10% đến 30% tổng số phần có quy định ưu tiên của công (01) ngân viên; từ 30% đến 50% của công từ hai (02) ngân viên; từ 50% trở lên của công từ ba (03) ngân viên.

4. Trường hợp ngân viên của công hoặc nhóm công nhân phân số ngân viên mà họ quy định theo quy định của nghị định công thì số ngân viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các công khác của công thực hiện theo quy định tại Quy định về quản trị Tổng công ty. Công hoặc cách thức của ngân viên Hội đồng quản trị phải công bố rõ ràng và phải công bố nghị định công thông qua trực tiếp khi tiến hành công.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thẩm quyền mà Kiểm soát viên thẩm quyền mới chưa bắt đầu thì Kiểm soát viên sẽ thẩm quyền tiếp tục thực hiện quy định và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên thẩm quyền mới bắt đầu và nhận thẩm quyền.

6. Ban kiểm soát phải có ít nhất hai (02) thành viên trong nhiệm kỳ, số lượng thành viên tham dự phải ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

Quy định của Ban kiểm soát được thông qua dựa trên sự đồng ý của Kiểm soát viên dự họp có quy định tham gia biểu quyết tán thành; trường hợp phải ngang nhau thì quy định như cùng thu về phía có ý kiến của Trường Ban kiểm soát.

Biên bản họp Ban kiểm soát phải lập chi tiết và rõ ràng. Thủ ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự phải ký tên vào các biên bản của họp. Các biên bản của Ban kiểm soát phải lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc bất kỳ thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp; có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm.

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty; không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.

- c) Không c g i các ch c v qu n lý T ng công ty; không nh t thi t ph i là c ô ng ho c ng i lao ng c a T ng công ty.
- d) Là ki m toán viên ho c k toán viên.
- e) Các tiêu chu n và i u ki n khác theo quy nh c a pháp lu t có liên quan.

i u 51. Quy n và ngh a v c a Ban ki m soát

1. Ban ki m soát th c hi n giám sát H i ng qu n tr , T ng giám c trong vi c qu n lý và i u hành T ng công ty.
2. Ki m tra tính h p lý, h p pháp, tính trung th c và m c c n tr ng trong qu n lý, i u hành ho t ng kinh doanh; tính h th ng, nh t quán và phù h p c a công tác k toán, th ng kê và l p báo cáo tài chính.
3. Th m nh tính y , h p pháp và trung th c c a báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính h ng n m và 06 tháng c a T ng công ty, báo cáo ánh giá công tác qu n lý c a H i ng qu n tr và trình báo cáo th m nh t i cu c h p th ng niên i h i ng c ô ng.
4. Rà soát, ki m tra và ánh giá hi u l c, hi u qu c a h th ng ki m soát n i b , ki m toán n i b , qu n lý r i ro và c nh báo s m c a T ng công ty.
5. Xem xét s k toán, ghi chép k toán và các tài li u khác c a T ng công ty, các công vi c qu n lý, i u hành ho t ng c a T ng công ty khi xét th y c n thi t ho c theo ngh quy t c a i h i ng c ô ng ho c theo yêu c u c a c ô ng ho c nhóm c ô ng quy nh t i kho n 2 i u 17 i u l này.
6. Khi có yêu c u c a c ô ng ho c nhóm c ô ng quy nh t i kho n 2 i u 17 i u l này, Ban ki m soát th c hi n ki m tra trong th i h n 07 ngày làm vi c, k t ngày nh n c yêu c u. Trong th i h n 15 ngày, k t ngày k t thúc ki m tra, Ban ki m soát ph i báo cáo gi i trình v nh ng v n c yêu c u ki m tra n H i ng qu n tr và c ô ng ho c nhóm c ô ng có yêu c u.

Vi c ki m tra c a Ban ki m soát quy nh t i Kho n này không c c n tr ho t ng bình th ng c a H i ng qu n tr , không gây gián o n i u hành ho t ng kinh doanh c a T ng công ty.

7. Ki n ngh H i ng qu n tr ho c i h i ng c ô ng các bi n pháp s a i, b sung, c i ti n c c u t ch c qu n lý, giám sát và i u hành ho t ng kinh doanh c a T ng công ty .

8. Khi phát hi n có thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c vi ph m quy nh t i i u 46 c a i u l này thì ph i thông báo ngay b ng v n b n v i H i ng qu n tr ,

yêu cầu người có hành vi vi phạm chủ động hành vi vi phạm và có ghi pháp khách phẫn u qu.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp hội đồng, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

10. Có quyền sử dụng tài sản công, bộ phận kỹ thuật nhân lực của Tổng công ty thực hiện các nhiệm vụ công giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên hội đồng.

12. Thực hiện các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật này và Nghị quyết của hội đồng.

Điều 52. Quyền cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo miệng, phi công khai ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phiếu công khai các Kiểm soát viên cùng thẩm định và theo phương thức nhất định với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của hội đồng, Hội đồng quản trị phiếu công khai cho các Kiểm soát viên cùng thẩm định và theo phương thức nhất định với công đồng, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành công khai các Kiểm soát viên cùng thẩm định và theo phương thức nhất định với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, Chi nhánh và địa điểm khác; có quyền nhân các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phối hợp cung cấp, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu và công tác quản lý, pháp luật hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 53. Thẩm định, thù lao và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

Thẩm định và quyền lợi khác của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên thực hiện thẩm định hoặc thù lao và hưởng các quyền lợi khác theo quy định của hội đồng và theo quy chế về thẩm định, thù lao và thưởng của Tổng công ty. Hội đồng quy định mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên thực hiện thanh toán chi phí n, , lệ phí, chi phí sử dụng dịch vụ và các chi phí khác theo quy định. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã đề nghị công bố thu nhập, trả thưởng và lợi ích công có quy định khác.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải công bố thành phần riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.

Điều 54. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, nội quy Tổng công ty, nghị quyết của Hội đồng và các quy định khác trong các văn bản quy định và nghị quyết giao.

2. Thực hiện các quy định và nghị quyết giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và công đồng; không sử dụng thông tin, bí quyết, các dữ liệu kinh doanh của Tổng công ty, khách hàng, chủ sở hữu và sử dụng tài sản của Tổng công ty để lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của các cá nhân khác.

4. Các nghị quyết khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và nội quy này.

5. Trả lời về vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trả lời về phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong các quy định và nghị quyết giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 55. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 50 của nội quy này.

b) Không thực hiện quy định và nghị quyết của mình trong 06 tháng liên tiếp, trả thưởng hoặc bị kỷ luật.

c) Có nợ thuế và các chi phí thu nhập.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nghiêm trọng, trách nhiệm của Kiểm soát viên quy định tại Điều 51, Điều 54 Điều này.
- c) Theo quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 56. Trình báo cáo hàng năm

1. Thành viên kiểm soát tài chính, Hội đồng quản trị phụ trách các báo cáo và tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.
- b) Báo cáo tài chính (phần kế toán trừ khi trình Hội đồng).
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, Điều lệ Công ty.

2. Các báo cáo và tài liệu quy định khoản 1 Điều này phải gửi Ban kiểm soát chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Hội đồng.

4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo chậm nhất của Ban kiểm soát phải có trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Hội đồng.

Công sở thuộc của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quy định mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chức năng hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý.

Điều 57. Công khai thông tin Công ty

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm để Hội đồng thông qua các quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin internet của mình các thông tin sau đây:

- a) Điều lệ Công ty.
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty.
- c) Báo cáo tài chính hàng năm để Hội đồng thông qua.
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Công ty thể hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán; công bố thông tin nội bộ và thông tin bất thành theo quy định tại Điều 108, 109 Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LƯU GIỮ TÀI LIỆU

Điều 58. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Trường hợp Công ty có mở chi nhánh tại nước ngoài; theo sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc quốc tế tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 59. Chế độ kế toán kế toán và báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng, quý và báo cáo khác

1. Năm tài chính của Công ty:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Năm tài chính ưu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mô hình Công ty cổ phần và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.

2. Chế độ kế toán kế toán:

- a) Công ty thể hiện việc chế độ kế toán kế toán theo Luật Kế toán và Luật Thuế kê hiên hành.
- b) Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Nội dung hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải được chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty.
- c) Công ty sử dụng tiếng Việt Nam (hoặc quốc tế do chuyển đổi trong trường hợp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm ngôn ngữ tính toán trong kế toán.

3. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng, quý:

- a) Công ty phải lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật và báo cáo tài chính năm phải kiểm toán theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này và nộp cho

c) quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và cơ quan kinh doanh theo quy định

b) Báo cáo tài chính phải bao gồm Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình thanh toán nghĩa vụ và ngân sách Nhà nước và thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo.

c) Chủ kế toán (quý, năm) Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và phải gửi các báo cáo tài chính, Báo cáo thuế kê theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của các báo cáo này.

d) Các báo cáo tài chính năm kế toán (bao gồm ý kiến của kế toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng đã được soát xét, báo cáo tài chính quý (đã được soát xét nội bộ) của Công ty được công bố trên website của Công ty.

e) Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quyền kiểm tra hoặc sao chép báo cáo tài chính năm kế toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giới hạn vì lợi ích của Công ty, thì trừ chi phí của Công ty và phải trả một khoản phí hợp lý cho việc sao chép.

4. Báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị 06 tháng

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị 06 tháng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 60. Kiểm toán

1. Hội đồng công đồng thường niên chọn một công ty kiểm toán để lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quy định lựa chọn một trong số các công ty này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện tho thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải thuê và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán để lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán để lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bên sao của báo cáo kiểm toán được gửi kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kế toán viên thực hiện việc kế toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp hội đồng và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến hội đồng mà các hội đồng được quyền nhận và được phát biểu ý kiến thì hội đồng các vấn đề có liên quan đến kế toán.

Điều 61. Lựa chọn, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ

1. Hội đồng được quy định trích lập các quỹ, mức cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được gọi là của Tổng công ty do Hội đồng quản trị trình.
2. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật, điều lệ này và nghị quyết của hội đồng.
3. Hội đồng được xem xét việc trích lập quỹ khen thưởng Ban quản lý, hành nhân viên và người Tổng công ty hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận.

Điều 62. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trong hợp đồng kinh doanh thua lỗ, hội đồng có thể quy định gì quy tắc phân phối theo các quy định pháp luật sau:

1. Trích quỹ đầu tư phát triển bù lỗ.
2. Chuyển một phần lợi nhuận sang năm sau, ngừng thi giao Hội đồng quản trị phải thực hiện các biện pháp khắc phục.
3. Phân tích; làm rõ nguyên nhân; trách nhiệm Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kế toán.

Điều 63. Chức năng tài liệu của Tổng công ty

Tổng công ty phải lưu giữ tài liệu chính các tài liệu sau đây:

1. Điều lệ Tổng công ty; các quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty.
2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bản quy định quy định công nghệ, giấy chứng nhận đăng ký chi tiêu ngân sách; các loại giấy chứng nhận khác.
3. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quy định tài sản của Tổng công ty.
4. Biên bản họp hội đồng, Hội đồng quản trị, và các quy định của Tổng công ty.
5. Báo cáo của Ban Kế toán, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của các cơ quan kế toán.
6. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.

7. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ LAO ĐỘNG TRONG TỔNG CÔNG TY

Điều 64. Quản lý lao động

Các nội dung về quản lý lao động giữa các đơn vị lao động (Tổng công ty hoặc các đơn vị trực thuộc) về việc quản lý lao động thực hiện theo quy định của Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và pháp luật liên quan.

Điều 65. Tính lương, tiền thưởng của người lao động

1. Người lao động được trả lương theo hiệu suất sản xuất kinh doanh của Tổng công ty hoặc đơn vị trực thuộc và theo trách nhiệm, năng suất lao động, hiệu quả làm việc của mình.

Quỹ tiền lương của người lao động được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty hoặc đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật và phi báo cáo chi phí ngân sách Tổng công ty tại các cuộc họp thường niên.

Hội đồng quản trị Tổng công ty xây dựng và ban hành Quy chế về tính lương, thù lao và thưởng của Tổng công ty và phê duyệt Quy chế trả lương cho các đơn vị trực thuộc trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp thực tế và mức bảo hiểm quốc gia sản xuất kinh doanh.

2. Người lao động được xem xét thưởng tiền và hình thức khuyến khích khác theo Quy chế của Tổng công ty hoặc đơn vị trực thuộc, trong giới hạn quy định của pháp luật, của điều lệ này và Nghị quyết của Hội đồng.

CHƯƠNG VI

TỔNG CÔNG TY, GIỚI THIỆU, PHÂN TÍCH TỔNG CÔNG TY

Điều 66. Tổ chức của Tổng công ty

Tổng công ty có thể chia; tách; sáp nhập; hợp nhất và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 67. Giới thiệu Tổng công ty

1. Các trường hợp giới thiệu Tổng công ty:

a) Số lượng công nhân ít nhất 03 thành viên trong thời hạn 06 tháng liên tiếp mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

b) B thu h i Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p.

c) Theo quy t nh c a i h i ng c ông.

2. T ng công ty ch c gi i th khi b o m thanh toán h t các kho n n và ngh a v tài s n khác và T ng công ty không trong quá trình gi i quy t tranh ch p t i Tòa án ho c c quan tr ng tài.

3. Trình t , th t c gi i th , thanh lý tài s n và các n i dung khác liên quan n gi i th T ng công ty th c hi n theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, pháp lu t liên quan.

Theo quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr có th thành l p Ban thanh lý tr c ti p th c hi n vi c thanh lý tài s n T ng công ty.

i u 68. Phá s n T ng công ty

Tr ng h p T ng công ty b phá s n, vi c phá s n c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t v phá s n.

CH NG VII

S A I, B SUNG I UL VÀ GI I QUY T TRANH CH P N I B

i u 69. B sung và s a i i ul

1. Theo ngh c a H i ng qu n tr ho c ki n ngh c a c ông, nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u 17 i ul này i h i ng c ông xem xét thông qua, ngh quy t vi c s a i, b sung i ul b ng hình th c bi u quy t t i cu c h p.

2. M i s a i, b sung i ul này ph i ng ký v i c quan có th m quy n, ph i c thông báo và l u gi theo quy nh c a Lu t doanh nghi p và i ul này.

i u 70. Gi i quy t tranh ch p n i b

1. Vi c gi i quy t tranh ch p n i b có liên quan n ho t ng c a T ng công ty hay t i quy n và ngh a v c a các c ông ph i c th c hi n trên nguyên t c th ng l ng, hòa gi i.

2. Tr ng h p th ng l ng, hòa gi i không thành , thì các bên a ra c quan có th m quy n v gi i quy t tranh ch p gi i quy t. Quy t nh c a c quan có th m quy n là quy t nh cu i cùng, các bên ph i có trách nhi m th c hi n.

CH NG VIII

I U KHO N THI HÀNH

i u 71. Hi ul c thi hành

1. Bản i u l này g m 8 Ch ã ng, 71 i u c ã h i ã ng c ã ng l n u T ã ng công ty Lâm nghi p Vi t Nam – Công ty c ã ph n nh t trí thông qua t i cu c h p ã ng ày .. và cùng ch p thu n hi u l c toàn v n c a i u l này.

i u l này c ã ng ký v i c ã quan có th m quy n; c l u gi , thông báo và sao chép ... theo quy ã nh c a Lu t doanh nghi p và i u l này.

T t các c ã ông, H i ã ng qu n tr , Ban ki m soát, T ã ng giám ã c T ã ng công ty, các ã n v tr c thu c và các t ã ch c, cá ã nh ã n có liên quan ch u trách ã h i m tuân th các quy ã nh c a i u l này.

2. Tr ã ng h p có ã nh ã ng quy ã nh c a pháp lu t có liên quan ã n ho t ã ng c a T ã ng công ty ch ã c ã c p trong b ã n i u l này ho c trong tr ã ng h p có ã nh ã ng quy ã nh m i c a pháp lu t khác v i ã nh ã ng i u kho n trong i u l này thì ã nh ã ng quy ã nh c a pháp lu t ó ã ng ã nh ã n c ã áp d ã ng và i u ch ã nh ho t ã ng c a T ã ng công ty.

CH T CH H I ã NG QU N TR